

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

Số: 23/2022/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 08 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình 1255/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm

định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 123/BC-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp phí: Là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp lần đầu, cấp mới, cấp đổi, cấp lại), chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã cấp hoặc có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai hoặc có yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc thực hiện chứng nhận đăng ký đối với biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

b) Tổ chức thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai, Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm: Quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Miễn, giảm phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm

1. Miễn, giảm phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng sau:

a) Miễn phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng là người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lao

động trong thời kỳ kháng chiến; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Bệnh binh; Thân nhân của người có công với cách mạng được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; Hộ nghèo; Hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Giảm 50% phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng là thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này).

c) Trường hợp văn bản viện dẫn tại khoản này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

2. Miễn phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai đối với cơ quan điều tra của Công an nhân dân; Quân đội nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự các cấp khi thực hiện nhiệm vụ điều tra.

Điều 4. Tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí

1. Sở Tài nguyên và Môi trường được để lại 60% tổng số tiền phí thu được.

2. Văn phòng đăng ký đất đai, Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, tổ chức khác được để lại 70% tổng số tiền phí thu được.

Điều 5. Kỳ kê khai, nộp phí, quản lý, sử dụng phí

1. Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

2. Định kỳ hằng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí thu được của tháng trước vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước chậm nhất vào ngày 05 của tháng sau.

3. Việc quản lý, sử dụng phí theo quy định hiện hành.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết: Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu, chế độ thu,

nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 100/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - HĐND.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

(Kèm theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND

ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Mục I

MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO TỔ CHỨC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH THỰC HIỆN TẠI SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Đơn vị tính: đồng/hồ sơ

STT	Nội dung công việc	Mức thu tại thành phố; phường thuộc thị xã; thị trấn thuộc huyện	Mức thu tại xã thuộc thị xã, huyện
1	Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000 m ²	2.920.000	1.750.000
2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000 m ² trở lên	4.870.000	2.920.000

Mục II

MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT; PHÍ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU ĐẤT ĐAI; PHÍ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT; PHÍ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH THỰC HIỆN TẠI VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THUỘC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC KHÁC CÓ LIÊN QUAN

1. Phí thẩm định hồ sơ cấp lần đầu, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đơn vị tính: đồng/hồ sơ

STT	Đối tượng/Nội dung công việc	Mức thu tại thành phố; phường thuộc thị xã; thị trấn thuộc huyện	Mức thu tại xã thuộc thị xã, huyện
1	Tổ chức		
a	Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000 m ²	1.550.000	930.000

b	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1.000 m ² trở lên	2.590.000	1.550.000
2	Cá nhân, hộ gia đình		
a	Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 200 m ²	440.000	260.000
b	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 200 m ² đến dưới 500 m ²	520.000	310.000
c	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 500 m ² đến dưới 1.000 m ²	590.000	350.000
d	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1.000 m ² đến dưới 3.000 m ²	740.000	440.000
đ	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 3.000 m ² đến dưới 5.000 m ²	890.000	530.000
e	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 5.000 m ² đến dưới 10.000 m ²	1.030.000	620.000
f	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 10.000 m ² trở lên	1.110.000	660.000

2. Phí thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: Bằng 60% mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp lần đầu, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích thửa đất tương ứng quy định tại khoản 1 Mục này.

3. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai

Đơn vị tính: đồng/hồ sơ

STT	Đối tượng	Mức thu
1	Đối với tổ chức	400.000
2	Đối với cá nhân	200.000

4. Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và phí đăng ký giao dịch bảo đảm

Đơn vị tính: đồng/hồ sơ

STT	Đối tượng/Nội dung công việc	Mức thu
1	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	30.000
2	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	
a	Đăng ký biện pháp bảo đảm	80.000
b	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	70.000
c	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký	60.000
d	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm.	20.000

* Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai và Trung tâm công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn được giao và các quy định pháp luật khác có liên quan thực hiện thẩm định và thu phí.